

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG TH QUỐC TUẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 186a/BC-THQT

Quốc Tuấn, ngày 30 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Quốc Tuấn

2. Địa chỉ: Thôn Đông Nham - Xã Quốc Tuấn- huyện An Lão - Thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thư điện tử: thquoctuan@anlao.edu.vn;

Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website): thquoctuanhaiiphong.edu.vn;

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập thuộc quyền quản lý trực tiếp của UBND huyện An Lão; cơ quan chuyên môn phòng Giáo dục và Đào tạo An Lão.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

4.1. Tầm nhìn

Trở thành trường có chất lượng giáo dục cao và bền vững; là nơi giáo viên và học sinh luôn có niềm vui, tự tin, năng động, sáng tạo; mạnh về trí lực, khỏe về thể chất và có khát vọng vươn tới thành công; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình.

4.2. Sứ mạng, mục tiêu

Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, văn minh, hiện đại và hạnh phúc. Tạo điều kiện để mỗi học sinh được học tập, rèn luyện nhằm phát huy những tiềm năng, những năng lực sở trường, tính năng động, sáng tạo và tư duy tốt nhất, đảm bảo khi hoàn thành chương trình Tiểu học các em phải là những người có đạo đức, có sức khỏe, yêu quê hương đất nước, có lòng tự hào dân tộc, có các kỹ năng sống cơ bản theo lứa tuổi, có kiến thức chắc chắn để học tốt ở bậc THCS.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường.

* Tình đoàn kết, hợp tác

* Lòng nhân ái, khoan dung

* Tinh thần trách nhiệm

* Tự tin, sáng tạo, đổi mới

* Tính trung thực

* Khát vọng vươn lên

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Trường Tiểu học Quốc Tuấn được thành lập tháng ... năm 1992 (tách ra từ trường cấp 1+2 xã Quốc Tuấn). Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các bậc phụ huynh và nhân dân địa phương, cùng với sự nỗ lực cố gắng của các thế hệ Nhà giáo và học sinh, chất lượng giáo dục nhà trường luôn được duy trì và phát triển bền vững. Trường liên tục đạt danh hiệu: “Tập thể lao động xuất sắc”, tháng ... năm 2001 nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và được đánh giá ngoài kiểm định chất lượng mức độ 3 năm 2015.

6. Thông tin người đại diện pháp luật: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện (Hiệu trưởng): Phạm Thị Thanh An

Số điện thoại: 0982 704 618. Thư điện tử: phamthithanhan73@gmail.com;

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 1992 của UBND huyện An Lão về việc tách trường Tiểu học Quốc Tuấn

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

QĐ số 5902/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của UBND huyện về việc kiện toàn HĐT MN,TH,THCS trên địa bàn huyện An Lão nhiệm kì 2021-2025 và QĐ số

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Phạm Thị Thanh An	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng
2	Ông Đỗ Văn Trọng	Phó Bí thư Chi bộ - Phó Hiệu trưởng
3	Bà Phạm Thị Duyên	Chủ tịch công đoàn- TT Tổ 4
4	Bà Nguyễn Thị Giang	Bí thư Đoàn thanh niên
5	Bà Lương Thị Vân Anh	Tổ trưởng tổ 1
6	Bà Tạ Thị Thắm	Tổ trưởng tổ 2

7	Vũ Thị Thơm	Giáo viên
8	Bà Nguyễn Thị Thúy	Tổ trưởng tổ 5
9	Ông Lương Đăng Vàng	Phụ trách tổ văn phòng
10	Ông Phạm Quang Quỳnh	Phó Chủ tịch UBND xã
11	Nguyễn Thị Thùy Linh	Ban Đại diện CMHS

c) Quyết định điều động Hiệu trưởng số: Quyết định 4564/QĐ -UBND ngày 29/7/2024 về việc điều động cán bộ quản lý

Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 3141 /QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

- Trường Tiểu học Quốc Tuấn thực hiện tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục và Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 25 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 42 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn đội: có 14 lớp sao nhi đồng và 10 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn và 01 Văn phòng

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

e) Thông tin người đại diện (Hiệu trưởng): Phạm Thị Thanh An

Số điện thoại: 0982 704 618 Thư điện tử: phamthithanhan73@gmail.com;

8. Các văn bản khác của nhà trường: Chiến lược phát triển trường tiểu học Quốc Tuấn giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030; Quy chế dân chủ; các

ng nghị quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp (hạng)			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	T C	Dưới TC	IV	III	II	Tốt	Kh	Đạt	CD
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	38		1	33	4	0		0						
I	Giáo viên	34			30	4				15	19	18	16		
	Trong đó số giáo viên văn hóa:	28			24	4			0	13	15				
	Tổng PT đội	1			1						1				
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	2			2					1	1				
3	Tin học	0			0										
4	Âm nhạc	1			1					1					
5	Mỹ thuật	1			1						1				
6	Thể dục	1			1						1				
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên														
1	Kế toán, văn thư	1			1										
2	Thủ quỹ														
3	Y tế	0													
4	Thư viện, thiết bị	1				1									
5	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
6	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng và đồng chí Phó hiệu trưởng được cấp trên đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ: Tốt đạt 100%

Giáo viên: 34 đồng chí giáo viên, đạt loại tốt đạt tỉ lệ: $18/34 = 52,9\%$; 16 đồng chí đạt loại khá, đạt tỉ lệ $16/34 = 47,1\%$

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: $38/38 = 100\%$ (trong đó 02 CBQL; 34 GV; 02 NV)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Khối phòng học tập	24/24	
1	Phòng học	24	
a	Phòng kiên cố	24/24	54 m ² / phòng
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
2	Phòng học bộ môn	6	
2.1	Phòng học Âm nhạc	1	60 m ²
2.2	Phòng học Mỹ thuật	1	60 m ²
2.3	Phòng học KH-CN	1	60 m ²
2.4	Phòng học Tin học	1	54 m ²
2.5	Phòng học NN	1	54 m ²
2.6	Phòng đa chức năng	1	54 m ²
II	Khối phòng hỗ trợ học tập	5	
1	Thư viện	1	54 m ²
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	40 m ²
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	20 m ²
4	Phòng Đội Thiếu niên	1	20 m ²
5	Phòng truyền thống	1	45 m ²
III	Khối phòng hành chính- quản trị	4	
1	Phòng Hiệu trưởng	1	45 m ²
2	Phòng Phó HT	1	20 m ²
3	Văn phòng	1	45 m ²
4	Phòng bảo vệ	1	18 m ²
IV	Khối phụ trợ	6	
1	Phòng họp - GV	1	90 m ²
2	Phòng Y tế trường học	1	20 m ²
3	Nhà kho	2	20 m ²
4	Khu để xe học sinh	2	100 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	24 bộ	
1.1	Khối lớp 1	05 bộ	01 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	05 bộ	01 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	04 bộ	01 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	05 bộ	01 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	05 bộ	01 bộ/lớp
2	Tổng số TB dạy học tối thiểu thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		

2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	28	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	26	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	24	
5	Thiết bị khác:- Máy in	04	
6	Bảng tương tác	01	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	100 m ²
XI	Nhà ăn	130 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	230 m ²	160	1,4
XIII	Khu nội trú	Không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	240 m ²	120/120	0,3	0.3/0,3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Không	Không	Không	Không	Không

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt (Sách giáo khoa lớp 5)

TT	Tên sách	Tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	

2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
5	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Nguyễn Thị Thu Thủy	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
6	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên)	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam	
7	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
8	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
9	Tin học 5	Lê Khắc Thành (Tổng Chủ biên)	Rô bốt thông minh	Đại học Vinh	
10	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
11	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
12	Tiếng Anh 5	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-----
Tiêu chí 1.3		x	x	x

Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	-----
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-----
Tiêu chí 1.8		X	X	-----
Tiêu chí 1.9		X	X	-----
Tiêu chí 1.10		X	X	-----
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-----
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	-----
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 3

Kết luận: Trường đạt Mức 3 Kiểm định và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

1.1.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.

2. Kế hoạch cải tiến.

2.1. Năm học 2024-2025

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá cơ sở GDPT theo tinh thần Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, qua đó mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thấy rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động trong công việc của mình được giao, góp phần hoàn thiện báo cáo, thu thập minh chứng, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá, đăng ký kiểm định với cấp trên.

Năm học 2024-2025, thực hiện theo 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT An Lão trường tiểu học Quốc Tuấn tiếp tục xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác giáo dục của nhà trường chi tiết, cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhà trường, trong đó chú trọng đến việc cải tiến chất lượng giáo dục.

Năm học 2024 -2025 nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tập chung vào các điểm yếu, những tồn tại cần khắc phục trong bộ tiêu chí theo Thông tư 17. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã kiến toàn Hội đồng tự đánh giá, chỉ đạo Hội đồng tự đánh giá, các tổ chức đoàn thể, bộ phận chuyên môn rà soát những điểm mạnh, điểm yếu, chủ động xây dựng kế hoạch để thực hiện.

Phân công các tổ công tác, phụ trách rà soát, đánh giá các tiêu chí, các tiêu chuẩn theo đúng nội hàm của từng chỉ báo; lập phiếu đánh giá các tiêu chí, hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá của nhà trường, đồng thời thu thập các minh chứng theo việc mô tả các nội hàm của chỉ báo.

- Tiếp tục phát huy và duy trì tốt những ưu điểm, những điểm mạnh mà nhà trường đã đạt được trong năm học 2023-2024 và những năm học trước đây. Hoàn thiện hồ sơ kiểm định chất lượng trình PGD&ĐT, Sở GD&ĐT thẩm định công nhận tháng 12 năm 2024.

- Tiếp tục rà soát xây dựng kế hoạch và đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm cải tiến chất lượng, để khắc phục những điểm yếu của nhà trường còn tồn tại.

- Tiếp tục tăng cường công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, Phòng GD&ĐT để tạo điều kiện xây dựng và cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, các trang thiết bị giáo dục để góp phần đảm bảo theo đúng chuẩn quy định.

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

Chủ động tham mưu với chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo trong công tác đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục trong nhà trường. Đảm bảo cải tiến chất lượng thông qua khắc phục những điểm yếu, phát huy những điểm mạnh, đảm bảo đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 và đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2 theo chuẩn các tiêu chí.

- Tiếp tục giao cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá, các bộ phận có liên quan rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn còn những điểm yếu, qua đó chủ động đưa ra các giải pháp đề xuất với Hội đồng trường, với Hiệu trưởng để khắc phục và cải tiến chất lượng, hoàn thành theo đúng yêu cầu đặt ra.

- Chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục quan tâm đầu tư, xây dựng và bổ sung cơ sở vật chất, các trang thiết bị dạy và học đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác chuyên môn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo đạt chuẩn về đào tạo theo quy định mới của Luật Giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn hiện hành bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch, chính xác và bảo đảm thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

Bảo đảm huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn, đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT được tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024-2025. Rà soát chính xác số trẻ 6 tuổi trên địa bàn xã đảm bảo đủ CSVC cho học sinh theo học.

Thực hiện nghiêm túc quy định về: Thời gian tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh, độ tuổi và sĩ số học sinh trên một lớp.

Đảm bảo công khai về tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

Phân công nhiệm vụ cụ thể, cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được phân công.

Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết, thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh của trường, đặc biệt là hình thức tuyển sinh trực tuyến.

Thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT:

- Trẻ 6 tuổi (sinh năm 2018), trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

- Là những trẻ đã qua lớp mầm non 5 tuổi thuộc trường mầm non Quốc Tuấn, học sinh hộ khẩu nơi khác nhưng có đăng ký tạm trú tại xã Quốc Tuấn gồm 6 thôn: Thôn Đông Nham 1, Đông Nham 2, Hạ Câu, Cẩm Văn, Đâu kiên, Bạch Câu.

- Học sinh các xã lân cận nếu có nhu cầu học tập tại trường.

- Trẻ em (học sinh) khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt: Thực hiện tuyển sinh với cả trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

*** Chỉ tiêu tuyển sinh**

- Số lớp: 05 ; Số học sinh: 175 học sinh.

*** Phương thức, thời gian tuyển sinh**

- Thực hiện phương thức xét tuyển, huy động tối đa trẻ 6 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn xã Quốc Tuấn, các xã, huyện khác nếu còn chỉ tiêu học lớp 1 năm học 2024-2025.

- Thời gian tuyển sinh: 08/7/2024 đến hết ngày 27/7/2024

Trường tiểu học Quốc Tuấn phối hợp với trường Mầm non Quốc Tuấn tổ chức tuyển sinh trẻ 6 tuổi trên địa bàn đang theo học tại trường Mầm non Quốc Tuấn.

Đối với những trẻ ở nơi khác có nhu cầu tuyển sinh sẽ nộp hồ sơ trực tiếp tại trường theo giờ hành chính các ngày từ 22/7/2024 đến 27/7/2024.

*** Hình thức tuyển sinh**

Tuyển sinh theo 02 hình thức: Trực tiếp và trực tuyến

- Tuyển sinh trực tuyến:

Thời gian: Từ 08/7/2024 đến 20/7/2024;

Hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh kê khai các thông tin phục vụ cho công tác tuyển sinh;

- Tuyển sinh trực tiếp

Thời gian: Từ 22/7/2024 đến 27/7/2024

Thực hiện với tất cả các đối tượng học sinh mà gia đình không thể đăng ký tuyển sinh trực tuyến do các điều kiện khách quan đem lại. Phụ huynh học sinh liên hệ Hội đồng tuyển sinh nộp hồ sơ tại trường và Hội đồng tuyển sinh thực hiện việc tuyển sinh và công bố kết quả trực tiếp tại trường.

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023-2024

2.1. Công tác phát triển và PCGD

- Sĩ số đầu năm: Số lớp: 24 ; Số học sinh: 790 ; Cuối năm: Số lớp: 24; Số học sinh: 790

Đánh giá chung: Năm học 2023-2024 sĩ số học sinh được duy trì và ổn định, không có học sinh bỏ học ;

+ Tỷ lệ trẻ đi học đúng độ tuổi đạt : 97.6%

+ Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: đạt 100% ;

+ Học sinh học 9-10 buổi/ tuần: 100% ;

+ Học sinh lên lớp đợt đầu: 785 học sinh, Đạt: 99,4%

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 169 HS đạt 100%

* Phổ cập giáo dục đạt mức độ 3, Xếp loại: Tốt

2.2. Về chất lượng các mặt giáo dục:

2.2.1. Giáo dục năng lực và phẩm chất học sinh.

* **Năng lực** : - Tốt 91,9 %; Đạt: 8,1 % ; Ccg: 0

* **Phẩm chất** : - Tốt: 98,9 %; Đạt: 1,1 % ; Ccg: 0

2.2.2. Kết quả học tập: Hoàn thành chương trình lớp học:

- Hoàn thành tốt: 726 = 91,9 % ; - Hoàn thành: 59 = 7,5%

- Tỷ lệ lên lớp: 99,4 %.

2.2.3. Chất lượng các cuộc thi và các hoạt động khác

- Giáo viên giỏi: Cấp huyện: 7; Tỷ lệ : 21,9%

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 786 học sinh, Đạt: 99,5%

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học: 169 HS đạt 100%

- Học sinh được khen thưởng:

+ Cấp Quốc gia: 02; Cấp TP: 02; Cấp huyện: 07

+ Cấp trường: HSXS: 503 học sinh Đạt 63,7 %; HSTB: 223 học sinh, Đạt 28,2 %

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai quyết toán ngân sách 2023 và các khoản thu chi năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	QUYẾT TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ		0	0	0
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)				
3.1	Vận động tài trợ				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm	182 087 000	182 087 000		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	182 087 000	182 087 000		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	182 087 000	182 087 000		
3.1.5	Số chi trong năm	182 087 000	182 087 000		
	-Mua 7 bàn lục năng+ 42 ghế phòng học thông minh	28350000	28350000		

	-Mua 13 máy vi tính xách tay phục vụ phòng học thông minh : 13 máy(Còn thiếu 2.888.000đ lấy ở quỹ khác chi trả)	126912000	126912000		
	-Lắp đặt hệ thống mạng, cammere phòng học thông minh	24225000	24225000		
	-Phí thẩm định giá	2600000	2600000		
3.1.6	Số dư cuối năm	0	0		
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....				
4.1.	Chăm sóc bán trú				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.1.2	Mức thu : 100 000đ/hs/tháng	119 474 000	119 474 000		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	119 474 000	119 474 000		
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	119 474 000	119 474 000		
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	119 474 000	119 474 000		
4.1.6	Số chi trong năm	119 474 000	119 474 000		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	117 084 520	117 084 520		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	2 389 480	2 389 480		
4.2	Trông coi xe				
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	5 256 000	5 256 000		
4.2.2	Mức thu : 20.000đ/hs/tháng				
4.2.3	Tổng số thu trong năm	48 760 000	48 760 000		
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	54 016 000	54 016 000		
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	54 016 000	54 016 000		
4.2.6	Số chi trong năm	43 877 000	43 877 000		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	39 001 000	39 001 000		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	4 876 000	4 876 000		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:.....				
	Số dư cuối năm	10 139 000	10 139 000		
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...				
5.1	Học tiếng Anh tự chọn lớp 1,2				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu : 10 000đ/tiết				
5.1.3	Tổng số thu trong năm	116 712 500	116 712 500		
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	116 712 500	116 712 500		
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	116 712 500	116 712 500		
5.1.6	Số chi trong năm	116 712 500	116 712 500		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng	85 200 125	85 200 125		

	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	7 541 127	7 541 127		
	- Chi công tác quản lý, chi đạo.....	17 506 000	17 506 000		
	- Chi phúc lợi	5 835 000	5 835 000		
	- Thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	630 248	630 248		
5.1.7	Số dư cuối năm	0	0		
5.2	Học tiếng Anh bổ trợ lớp 5				
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.2.2	Mức thu : 35000đ/tiết NN+10.000đ tiết VN				
5.2.3	Tổng số thu trong năm	229 421 250	229 421 250		
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	229 421 250	229 421 250		
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	229 421 250	229 421 250		
5.2.6	Số chi trong năm	229 421 250	229 421 250		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng	167 477 513	167 477 513		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	14 820 862	14 820 862		
	- Chi công tác quản lý, chi đạo.....	34 413 000	34 413 000		
	- Chi phúc lợi	11 471 000	11 471 000		
	- Thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	1 238 875	1 238 875		
5.2.7	Số dư cuối năm	0	0		
5.3	Học tiếng Anh tăng cường GV nước ngoài Lớp 1,2,3,4				
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.3.2	Mức thu : 35 000đ/tiết				
5.3.3	Tổng số thu trong năm	723 220 750	723 220 750		
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	723 220 750	723 220 750		
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	723 220 750	723 220 750		
5.3.6	Số chi trong năm	723 220 750	723 220 750		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc	578 576 600	578 576 600		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	33 268 777	33 268 777		
	- Chi công tác quản lý, chi đạo.....	86 786 490	86 786 490		
	- Chi phúc lợi	21 696 000	21 696 000		
	- Thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	2 892 883	2 892 883		
5.3.7	Số dư cuối năm	0	0		
5.4	Kỹ năng sống				
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.4.2	Mức thu :40 000đ/tháng(10 000đ/ tiết)				
5.4.3	Tổng số thu trong năm	260 550 000	260 550 000		

5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	260 550 000	260 550 000		
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	260 550 000	260 550 000		
5.4.6	Số chi trong năm	260 550 000	260 550 000		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng	190 201 500	190 201 500		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	16 832 030	16 832 030		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	39 082 500	39 082 500		
	- Chi phúc lợi	13 027 000	13 027 000		
	- Thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	1 406 970	1 406 970		
5.4.7	Số dư cuối năm	0	0		
5.5	Học tin lớp 5				
5.5.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.5.2	Mức thu : 64 000đ/tháng				
5.5.3	Tổng số thu trong năm	83 430 000	83 430 000		
5.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	83 430 000	83 430 000		
5.5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	83 430 000	83 430 000		
5.5.6	Số chi trong năm	83 430 000	83 430 000		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng	62 572 500	62 572 500		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	6 358 150	6 358 150		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	10 745 000	10 745 000		
	- Chi phúc lợi	3 337 200	3 337 200		
	- Thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	417 150	417 150		
5.5.7	Số dư cuối năm				
5.6	Quản lý học sinh ngoài giờ học chính khóa				
5.6.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.6.2	Mức thu : 8 000đ/buổi				
5.6.3	Tổng số thu trong năm	815 296 000	815 296 000		
5.6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	815 296 000	815 296 000		
5.6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	815 296 000	815 296 000		
5.6.6	Số chi trong năm	815 296 000	815 296 000		
	Trong đó: - Chi cho người dạy....	559 293 000	559 293 000		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	68 483 080	68 483 080		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	122 294 000	122 294 000		
	- Chi phúc lợi	48 920 000	48 920 000		

	- Thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	16 305 920	16 305 920		
5.5.7	Số dư cuối năm				
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,				
6.1	Quỹ đội				
	Dư năm trước chuyển sang				
6.1.1	Số học sinh	790	790		
6.1.2	Mức thu : 40 000đ/năm học				
6.1.3	Tổng thu	31 520 000	31 520 000		
6.1.4	Đã chi	31 520 000	31 520 000		
6.1.5	Dư				
6.2	BHYT học sinh				
6.2.1	Số học sinh				
6.2.2	Mức thu : 704 025 /15 tháng; 657025/14 tháng; 610155/13 tháng; 563220/12 tháng				
6.2.3	Tổng thu	538 423 200	538 423 200		
6.2.4	Đã chi	538 423 200	538 423 200		
6.2.5	Dư				
6.3	Nước uống học sinh				
	Dư năm trước chuyển sang				
6.3.1	Số học sinh	790	790		
6.3.2	Mức thu : 77 000đ/năm học				
6.3.3	Tổng thu	60 639 000	60 639 000		
6.3.4	Đã chi	60 639 000	60 639 000		
6.3.5	Dư				
6.4	Tiền ăn bán trú				
	Dư năm trước chuyển sang				
6.4.1	Số học sinh				
6.4.2	Mức thu : 29 000đ/suất				
6.4.3	Tổng thu	612 219 000	612 219 000		
6.4.4	Đã chi	612 219 000	612 219 000		
6.4.5	Dư				
6.5	Hỗ trợ cơ sở vật chất, điện nước học hai buổi/ngày				
	Dư năm trước chuyển sang				
6.5.1	Số học sinh				
6.5.2	Mức thu :30 000đ/tháng	790	790		
6.5.3	Tổng thu	206 572 500	206 572 500		
6.5.4	Đã chi	206 572 500	206 572 500		
6.5.5	Dư				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	30 157 526	30 157 526		
1	Học phí				

2	Học nghề				
3	Học tiếng Anh tự chọn lớp 1,2	630 248	630 248		
4	Học tiếng Anh bổ trợ lớp 5	1 238 875	1 238 875		
5	Học tiếng Anh NNN1,2,3,4	2 892 883	2 892 883		
6	Học Kỹ năng sống	1 406 970	1 406 970		
7	Học tin	417 150	417 150		
8	Quản lý học sinh sau giờ học chính khóa	16 305 920	16 305 920		
9	Chăm sóc bán trú	2 389 480	2 389 480		
10	Trông coi xe đạp	4 876 000	4 876 000		
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC năm 2023	7 544 165 713	7 544 165 713		
I	Nguồn ngân sách trong nước	5 290 390 361	5 290 390 361		
1	Chi quản lý hành chính	5 290 390 361	5 290 390 361		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ(N13)	5 290 390 361	5 290 390 361		
	Chi thanh toán cá nhân	4 665 667 297	4 665 667 297		
	Chi VTVP	62 203 616	62 203 616		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn và chi phí khác	361 279 848	361 279 848		
	Chi thu nhập tăng thêm, phúc lợi, khen thưởng	201 239 600	201 239 600		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ nguồn CCTL 1490-1800+TNTT TP (N14)	2 038 225 352	2 038 225 352		
	Chi thanh toán cá nhân	2 038 225 352	2 038 225 352		
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ(N12)	215 550 000	215 550 000		
	Chi mua sắm sửa chữa	215 550 000	215 550 000		
	Chi khác				

2. Công khai dự toán ngân sách năm 2024 và KH khoản thu- chi năm học 2024-2025

2.1. Dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2024

STT	Nội dung	Dự toán được giao
	2	3
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.228.000.000
	<i>Kinh phí chi tăng tiết- năm 2022 chuyển sang</i>	203.390.639
	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Theo thông báo số 108ngày 31/12/2023)</i>	5.125.000.000
	+ <i>Chi lương và các khoản theo lương(1.490)</i>	4.389.000.000
	+ <i>chi NVCM khác</i>	736.000.000
	- <i>Chi TNTT</i>	50.000.00

	- Chi phí dịch vụ hàng hóa	80.000.000
	- Chi CTP	8.000.000
	- Chi NVCM	90.000.000
	- Chi phí thuê mượn +BV	150.000.000
	- Chi SC CSVC	108.000.000
	- Chi khác, chi phúc lợi, khen thưởng, TNTT	250.000.000
	Nguồn Cải cách tiền lương (310.000đ)	913.000.000
.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	
	- Chi mua sắm sửa chữa nhỏ CSVC trong năm	190.000.000

2.2. Dự toán thu – chi năm học 2024-2025

Số TT	Nội dung	Dự toán thu-chi cả năm học
1	2	3
A	Tổng số thu, chi,	
I	Số thu	
	1.BHYT : HS lớp 1 hạn thẻ từ 12 đến 15 tháng (từ 884 520 / 12 tháng đến 1.105.650 đ/ 15 tháng); Lớp 2,3,4,5: 884.520 đ/ HS/ năm	718.230.000
	2.Quỹ Vòng tay bè bạn : 40.000đ/HS/ năm	31.680.000
	3.Phục vụ Nước uống cho HS:792 HS x77.000	60.984.000
	4.DV Trông giữ xe cho HS: 20.000đ/tháng x 9 tháng x 230 HS	41.400.000
	5.DV hỗ trợ cho HĐ giáo Dục dạy học 2 buổi/ ngày (ngày: 30.000đ/ tháng 792 HSx 95%)	203.150.000
	6.Ăn bán trú (Theo HS đăng ký): 29.000đ/ ngày x 200 HS	986.000.000
	7.Phục vụ Chăm ăn, trông trưa: 100.000đ/ HS/ thángx 200 HS từ 16/9	170.000.000
	8.Kỹ năng sống: 10.000đ/ tiết x 2 tiết/ tuần(học từ Tuần 1 tháng 10 năm 2024) x 792 HSx 95%	481.536.000
	9.Tiếng Anh GV Việt Nam 1,2: 10.000đ/ Tiết/HS x 2 tiết/ tuần x 334 HS	104.576.000
	10.Tiếng Anh GV nước ngoài khối 1,2,3,4,5: 35. 000đ/ tiết x 1 tiết / tuầnx 792HSx 95%	842.688.000
	11.Quản lý ngoài giờ hành chính: 792HS x 8.000đ/ 60 phút x 95%	881.040.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
	<i>Chi sự nghiệp Giáo dục.....</i>	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	1.BHYT :- nộp về BHXH	
	2. Quỹ Vòng tay bè bạn	31680.000
	- Nộp huyện đoàn 25%	7.920.000
	- Chi mua sổ sách và các HĐ đội	23.760.000

3. Phục vụ Nước uống cho HS : Nộp 100% về đơn vị cung cấp nước tinh khiết	60.984.000
4. DV Trông giữ xe cho HS : 20.000đ/tháng x 9 tháng x 230 HS	41.400.000
- Chi nộp thuế 10%	4.140.000
- Chi trông coi xe 80%	33.120.000
- Chi CSVC nhà xe 10%	4.140.000
5.DV hỗ trợ cho HĐ giáo Dục dạy học 2 buổi/ ngày (ngày: 30.000đ/ tháng 792 HSx 95%)Khối 4,5 thu 8 tháng)	203.150.000
- Hỗ trợ điện nước 15%	30.472.000
- Mua sắm , sửa chữa CSVC	172.677.000
6. Ăn bán trú :29.000đ/ Ngày/ HS ăn Nộp 100% về công ty cung cấp bữa ăn	986.000.000
8.Kỹ năng sống:	481.536.000
TĐ : -Nộp về công ty 73%	351.521.000
- Chi tại trường 27%:	130.015.000
- TĐ +Nộp thuế 0,54%	2.600.000
- Chi Quản lý 12%	24.000.000
- Chi GVCN 4%	12.000.000
- Chi Phúc lợi 5%	12.000.000
- Chi CSVC 5,46%	15.504.000
9.Tiếng Anh GV Việt Nam L 1,2: 40.000đ/ Tháng /HS	104.576.000
-Nộp về công ty 73%	76.340.000
-Đề tại trường 27%	49.420.800
- TĐ -Nộp thuế 0,54%	548.500
- Chi Quản lý 12%	12.549.000
- Chi GVCN 4%	4.183.000
- Chi Phúc lợi 5%	5.229.000
- Chi CSVC 5,46%	5.700.000
11. Tiếng Anh GV Nước ngoài khối 1,2,3,4,5:	842688.000
-Nộp về công ty 80%	674150.000
-Đề tại trường 20%	168.537.000
- TĐ -Nộp thuế 0,4%	3371.000
- Chi Quản lý 10%	84.268.000
- Chi GVCN 2%	16.853.000
- Chi Phúc lợi 3%	25.281.000
- Chi CSVC 4,6%	38.764.000
12.Trông ngoài giờ hành chính:	881.843.000
Trong đó: -Chi GV trông 68.6%	606.707.000
- Chi Quản lý 15%	132.270.000
- Chi CSVC 8,4%	74.071.000
- Chi phúc lợi 6%	52.908.000
- Nộp thuế 2%	17.636.000

2.3. Kế hoạch thu năm học 2024-2025 và năm tiếp theo

1. Các khoản thu theo quy định

1.1.

Stt	Mức thu	Nội dung	Thời hạn thẻ	Ghi chú
1	Năm học 2024-2025	Bảo hiểm y tế	884.520đ/ 12 tháng	
2	Năm học 2025-2026	Bảo hiểm y tế	Thay đổi theo quy định của nhà nước	

1.2 Quỹ vòng tay bè bạn

Liên đội nhà trường triển khai, hướng dẫn đội viên, thiếu nhi thu gom giấy vụn, phế liệu để tạo nguồn kinh phí hoạt động đội thông qua quỹ “ Vòng tay bè bạn”. Dự kiến mỗi học sinh từ 10 đến 15kg. Theo đề xuất của Hội CMHS nhà trường và các lớp đề xuất quy đổi thành tiền để thuận tiện cho phụ huynh và HS: 40.000đ/ HS/ năm

2. Các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục

2.1 Thu theo thỏa thuận các môn học liên kết

TT	Môn liên kết	Mức thu năm học 2024-2025			Dự kiến mức thu 2025-2026		
		Theo nghị quyết 02/2022 và NQ 08/2023	Triển khai mức thu Học phí/ tháng	Số tiết học	Số tiết học	Mức học phí/tháng	Số tiết học
1	Kỹ năng sống	10.000đ/ tiết	10.000đ/tiết	8 tiết/tháng	8 tiết/tháng	10.000đ/ tiết	8 tiết/tháng
2	Tiếng Anh người nước ngoài khối 1,2,3,4,5	35.000đ/ tiết	35.000đ/tiết	4 tiết/tháng	4 tiết/tháng	35.000đ/ tiết	4 tiết/tháng
3	Tiếng Anh tự chọn (Khối 1+2)	10.000đ/ tiết	10.000đ/tiết	4 tiết/tháng	4 tiết/tháng	10.000đ/ tiết	4 tiết/tháng

2.2 Các khoản thu theo nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND

TT	Nội dung các khoản thu	Năm học 2024-2025		Dự kiến mức thu 2025-2026	
		Mức thu theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND	Mức thu năm học 2024-2025		

1	Phục vụ ăn bán trú	30.000đ/HS /ngày	29000đ/HS/ngày	29000đ/HS/ngày
2	Hỗ trợ nấu ăn, phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú	150.000đ/HS/tháng	100.000đ/HS/tháng	100.000đ/HS/tháng
3	Quản lý học ngoài giờ hành chính(sau khi kết thúc buổi học)	10.000đ/HS/giờ	8.000đ/HS/1giờ5P	10.000đ/HS/giờ
4	Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động giáo dục dạy học 2 buổi/ngày	30.000đ/HS/tháng	30.000đ/HS/tháng	30.000đ/HS/tháng
5	Dịch vụ phục vụ nước uống học sinh	10.000đ/HS/tháng	7000đ/HS/tháng	10.000đ/HS/tháng
6	Dịch vụ trông giữ xe cho học sinh(xe đạp)	30.000đ/HSs/tháng	20.000đ/HS/tháng	20.000đ/HS/tháng

Lưu ý: - Tất cả các nội dung nêu trên đều trên tinh thần tự nguyện của học sinh và phụ huynh. Học sinh, phụ huynh đăng ký phải có đơn xin tham gia.

- Tất cả các khoản thu trong năm học đều thực hiện thu thông qua hình thức chuyển khoản, không dùng tiền mặt (có hướng dẫn cụ thể đối với phụ huynh).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Việc triển khai đổi mới chương trình GDPT 2018

1.1. Công tác tham mưu, chuẩn bị, xây dựng kế hoạch

Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT Hải Phòng, Phòng GD&ĐT An Lão và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

Nhà trường tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tuyên truyền trong nhân dân về việc đổi mới chương trình GDPT 2018. Chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện theo lộ trình, đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể triển khai đến cán bộ, giáo viên và các bậc phụ huynh nhà trường.

1.2. Triển khai thực hiện

Nhà trường thường xuyên tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể bằng nhiều hình thức (nghiên cứu tài liệu, học tập trực tuyến, thảo luận trong các tổ khối...).

Thường xuyên theo sát việc triển khai việc dạy học chương trình sách giáo khoa các khối lớp 1,2,3,4, để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy học cho phù hợp. Tiếp tục chuẩn bị tốt các điều kiện cho chương trình SGK lớp 5

Kết quả việc thực hiện chương trình GDPT đặc biệt là chương trình SGK mới lớp 1, 2, 3, 4 rất thành công và được phòng GD&ĐT đánh giá cao.

Nhà trường chủ động tham mưu với UBND xã, Phòng GD&ĐT trong việc trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học cho việc đổi mới chương trình sách giáo khoa lớp 5 năm học 2024-2025.

2. Các điều kiện giáo dục:

Nhận thức rõ về hiệu quả của công tác bồi dưỡng, nhà trường luôn coi công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên vì giáo viên là người trực tiếp làm lên chất lượng giáo dục trong nhà trường. Do vậy ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo tốt công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, đặc biệt là nâng cao tay nghề cho giáo viên.

Thực hiện dạy đúng và đủ chương trình các môn học theo Kế hoạch Giáo dục và quy định, đồng thời quan tâm giáo dục toàn diện; thực hiện các chương trình tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, kỹ năng công dân số cho học sinh vào các môn học. . . thông qua đó làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh.

Chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn trú trọng, quan tâm đổi mới PPDH, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học, sử dụng TBDH hiện có nhiều tiết hội giảng, nhiều đồng chí giáo viên đã sử dụng CNTT vào bài dạy, trong năm học nhà trường đã thực hiện tốt về quản lý HSSS điện tử, chất lượng và hiệu quả giờ dạy được nâng lên rõ rệt. Kết quả cụ thể:

+ Kết quả bồi dưỡng giáo viên CTGDPT 2018: 100% cán bộ giáo viên đã tham gia bồi dưỡng CTGDPT 2018 đạt kết quả cao theo yêu cầu.

+ Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVTH: Tốt: 18/34 = 52,9%; Khá: 16/34 = 47,1%

+ Giáo viên giỏi: Cấp huyện: 7; Tỷ lệ : 21,9%

* Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

Số phòng học: 24 ; Tỷ lệ phòng học /lớp: 1/1 So với nhu cầu : Đủ

Số phòng chức năng đã có: 06 ; So với nhu cầu còn thiếu: 0

* Công tác bảo quản, sử dụng phòng học, phòng chức năng , thiết bị đồ dùng:

Trong năm học nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bảo quản, sử dụng các phòng học, phòng chức năng, thiết bị đồ dùng tốt, phát huy được tác dụng.

* Công tác tu bổ, xây dựng CSVC: Trong năm học, nhà trường tiếp tục đầu tư cải tạo cảnh quan sư phạm nhà trường như tu bổ hệ thống bồn hoa cây cảnh, tu bổ công trình vệ sinh học sinh khang trang sạch đẹp.

3. Công tác quản lý:

- Công tác tham mưu: nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tăng cường tu bổ và xây dựng bổ sung hoàn thiện CSVC đảm bảo phục vụ đầy đủ, tốt cho công tác giáo dục nhà trường và tạo môi trường luôn xanh-sạch-đẹp là môi trường giáo dục an toàn- hạnh phúc cho học sinh.

- Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch năm học: Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT Gia Bình, các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Công tác kiểm tra: Kiểm tra thường xuyên bằng nhiều hình thức và có kế hoạch ngay từ đầu năm học. Qua kiểm tra, khảo sát, đánh giá, xếp loại công bằng dân chủ và được công khai trước tập thể sư phạm nhà trường.. Kiểm tra đúng nguyên tắc, đúng hướng dẫn, tham gia đóng góp ý kiến, chỉ ra những điểm còn tồn tại giúp giáo viên chưa thực hiện tốt có hướng khắc phục. Trong năm học, nhà

trường đã kiểm tra được 4 chuyên đề như : Thực hiện quy chế chuyên môn; Chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học ; Chuyên đề bảo quản và sử dụng tài chính, cơ sở vật chất ; Chuyên đề dạy thêm, học thêm... và các nội dung khác.

- Công tác quản lý tài chính, tài sản: Công tác tài chính được công khai, dân chủ, được bàn bạc trước hội đồng nhà trường. Chi tiêu tiết kiệm, chi đúng mục đích nhằm kịp thời động viên giáo viên và học sinh trong các hoạt động và các phong trào của nhà trường.

4. Công tác Đảng và các đoàn thể:

Thường xuyên triển khai và cập nhật đến cán bộ, đảng viên, cán bộ nhân viên nhà trường các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về GD&ĐT ; thường xuyên cập nhật và phổ biến các văn bản chỉ đạo, quy định của ngành.

Xây dựng được mối đoàn kết, tập trung dân chủ trong công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành của Chi bộ - BGH - Công Đoàn - Đoàn TN - Các tổ chức đoàn thể khác; hàng tuần đều họp giao ban để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch của trường đạt hiệu quả.

Công tác xã hội hóa giáo dục: Với mục tiêu chung tay vì sự nghiệp giáo dục, nhà trường luôn thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, thường xuyên huy động các nguồn lực từ các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các nhà hảo tâm để góp phần xây dựng nhà trường đáp ứng sự kỳ vọng và phát triển.

5. Các công tác khác:

- Công tác HSSV: Nhận thức được tầm quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, lối sống và truyền thống văn hóa đối với thế hệ trẻ, nhà trường luôn tích cực chủ động trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các nội dung sau :

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tạo cho học sinh nhiều sân chơi bổ ích . Nhà trường đã xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường, đặc biệt là quy tắc ứng xử của học sinh và triển khai có hiệu quả.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh về tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, là nơi để học sinh rèn luyện, học tập, phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ, hình thành thế hệ trẻ đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX: “Xây dựng văn hóa và con người Bắc Ninh phát triển toàn diện, thực sự trở thành nguồn lực, động lực cho phát triển bền vững”.

- Triển khai thực hiện ứng dụng CNTT trong quản lý dạy và học: Trong năm học, phát huy những mặt mạnh và ưu thế của những năm học trước, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy và học, là mô hình điểu của bậc tiểu học.

- Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia : Nhà trường tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương trong công tác xây dựng và tu bổ cơ sở vật chất. Trong năm học nhà trường đã tiếp tục thực hiện tốt công tác tự kiểm định chất lượng và trường chuẩn quốc gia bằng việc thực hiện công tác tự đánh giá CSGDPT, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng để khắc phục những điểm yếu, những điểm còn tồn tại sau đánh giá ngoài..

6. Công tác thi đua , khen thưởng:

Công tác thi đua được nhà trường thường xuyên quan tâm triển khai, cụ thể trong năm học nhà trường đã phát động các phong trào thi đua và được cán bộ giáo viên hưởng ứng sôi nổi. Đặc biệt là hưởng ứng phong trào thi đua « Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học ». Trong công tác thi đua nhà trường thường xuyên quan tâm hoàn thành tốt các tiêu chí duy trì trường xếp thứ 1 khối thi đua bậc Tiểu học.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Quốc Tuấn, nhà trường công khai đến lãnh đạo, cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- PGDĐT (b/c);
- Trang TTĐT (ck);
- CB, GV, NV, PH;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh An